

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 2

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 2)

Đức Phật lại dạy Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát có tám ánh sáng xua tan u tối, thanh tịnh hạnh Bồ-tát. Tám ánh sáng đó là: niệm, ý, hạnh, pháp, trí, thật, thần thông, trí vô ngại. Niệm có tám: không mất pháp lành quá khứ; tu pháp lành vị lai; nghe nhớ pháp; suy xét thật nghĩa; không bị sáu trần hủy hoại; luôn ngăn chặn pháp ác như người canh cửa, làm lành, giữ cửa thành pháp lành; không bị mê hoặc nơi tà đạo; phát triển pháp thuận thiện. Ý có tám: là nghĩa lý không phải văn tự; là trí tuệ không phải thức; là pháp không phải là nhân; là thật không phải lui; là Bồ-tát không phải Thanh văn; là cao không phải thấp; là Phật không phải kẻ thoái chuyển; là thương yêu không phải tổn hại. Hạnh có tám: pháp, tất cả hạnh, chúng sinh, tâm chúng sinh, mười hai nhân duyên, giảng thuyết, hạnh; hết thấy Phật. Pháp có tám: pháp thế gian, pháp xuất thế, pháp vô lậu, pháp vô vi, pháp giải thoát, pháp giải thoát tâm, pháp giải thoát rốt ráo; trí tuệ phá vô minh. Trí có tám: tám chánh trí; trí Tu-đà-hoàn; trí Tư-đà-hàm; trí A-na-hàm; trí A-la-hán; trí Bích-chi-phật; trí Bồ-tát; trí Chánh giác. Thật có tám: hạnh chánh định; quả Tu-đà-hoàn; quả Tư-đà-hàm; quả A-na-hàm; quả A-la-hán; quả Bích-chi-phật; Bồ-tát; Phật giác. Thần thông có tám: mắt thấy sắc thật; tai nghe tiếng thật; niệm: nghĩ đến chúng sinh trong vô số kiếp thời quá khứ; tánh: quán tánh thanh tịnh, tịnh tâm mọi loài; hư không: thần thông hiện khắp cõi nước nơi mười phương; phương tiện: đủ trí vô lậu; công đức trang nghiêm: tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Trí vô ngại có tám: trí, ý, tuệ, Phật, chánh kiến, thanh tịnh tâm chúng sinh, giải thoát, viên mãn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ nhắc lại nghĩa trên:

*Tu tập tâm chánh niệm
Không quên nghiệp thiện ác
Thích nghe tụng kinh Phật
Siêng tu, không buông lung.*

Khéo điều phục các căn
An trụ nơi tịch tĩnh
Phát triển các pháp lành
Tu tập tâm chánh niệm.
Ngăn chặn mọi pháp ác
Như người canh giữ cửa
Bảo vệ thành pháp thiện
Không để bốn ma vào
Không theo lời ngon ngọt
Suy xét nghĩa chân thật
Gần gũi Thiện tri thức
An vui sống đúng pháp.
Ý thù thắng vô biên
Vĩnh viễn đoạn phiền não
Kiên định trước pháp tà
Không hủy báng kẻ ác.
Thành tâm niệm chánh giác
Không thuyết pháp Tiểu thừa
Luôn thích pháp Vô thượng
Diệt bỏ tâm thấp kém.
Không sợ ma phiền não
Tu tập đại Từ bi
Không nào hại chúng sinh
Đạt trí lớn thanh tịnh.
Trừ tâm nghi mọi loài
Hiểu rõ nghĩa vi diệu
Biết phương tiện chân thật
Tu bốn Trí vô ngại.
Quán mười hai nhân duyên
Nhân tạo nên mọi nẻo
Biết không người làm, nhận
Tu tập các pháp lớn.
Hiểu rõ pháp chư Phật
Hành hạnh thế, xuất thế
Đi lại khắp mười phương

*Biết nghiệp của trời người.
Tu tập trí vô thượng
Đưa ba thừa về một
Thực hành tám Chánh đạo
Hủy hoại pháp ba đời.
Như thật biết tất cả
Pháp hữu lậu vô lậu
Hóa độ khắp trời, người
Đoạn trừ pháp hữu lậu.
Như thật biết tất cả
Pháp hữu vi, vô vi
Tịch tĩnh không si ám
Không chấp tướng hữu vi.
Biết nhân duyên xuất nhập
Biết tánh tịnh mọi loài
Với chánh định Đại thừa
Biết các pháp như thế.
Thích vào dòng vô lậu
Hiểu bốn quả Sa-môn
Tổ đạo hạnh Bồ-đề
Nên tu trí vô ngại.
Trừ tà pháp tu thật
An nhiên vào trong chúng
Thuyết giảng nghĩa chân thật
Đoạn trừ pháp sinh tử
Mất tai tịnh, không ngại
Nghe, thấy mọi tiếng, sắc
Nhớ rõ pháp quá khứ
Hiểu tâm của chúng sinh.
Tự tại đến mười phương
Biết pháp như hư không
Đạt trí tuệ vô lậu
Để giáo hóa muôn loài.
Đủ công đức trí tuệ
Lợi ích cho mọi người
Trải qua vô số kiếp*

*Trang nghiêm phước và tuệ.
Vui thọ trì tịnh giới
Hộ trì pháp chư Phật
Tu tập nghĩa chân thật
An trụ trong chánh pháp.
Ta giảng các pháp trên
Để chúng sinh tu đạt
Ai tin kính kinh này
Thành tựu pháp vừa giảng.*

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập mười sáu việc của tâm đại Bi. Mười sáu việc đó là: Vì thấy chúng sinh tham chấp sự hiểu biết của mình, từ đó tăng thêm các kiến chấp, bị trói buộc trong sinh tử nên Bồ-tát tu tâm đại Bi. Vì tâm đại Bi Bồ-tát thuyết pháp độ sinh, diệt trừ vọng chấp của mọi loài; vì thấy chúng sinh luôn điên đảo, thường cho là vô thường, vô thường cho là thường, khổ thấy là vui, vui thấy là khổ, sạch cho là nhớ, nhớ cho là sạch, có ngã cho là không ngã, không ngã cho là ngã, nên Bồ-tát tu tập tâm Bi, thuyết giảng chánh pháp từ bốn điên đảo của chúng sinh; vì thấy chúng sinh kiêu mạn, không có pháp cho là có pháp, không có việc cho là có việc và vì thế tạo nên bảy loại mạn, tăng pháp ác, nên Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp đoạn trừ kiêu mạn của chúng sinh. Vì thấy chúng sinh bị năm cái che lấp, luôn nghi ngờ không hiểu thật nghĩa, nên Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp giúp chúng sinh diệt năm cái; vì thấy chúng sinh chìm trong biển sáu nhập, mắt thấy sắc, tai chấp tiếng, nên Bồ-tát tu tập tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp cứu chúng sinh thoát biển ấy. Vì thấy chúng sinh đủ bảy mạn: Mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, hạ mạn, tà mạn. Với kẻ hạ mạn Đại Bồ-tát tự hiện sắc tướng khiêm tốn, chánh trực cho đến... thức đều hơn chúng, với kẻ tăng thượng mạn Bồ-tát bảo: Người thật không phải là Thánh, không nên tưởng mình là Thánh với kẻ tà mạn Bồ-tát giảng về chánh kiến... vì chúng sinh đó Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng chánh pháp, đoạn trừ kiêu mạn của mọi loài; thấy chúng sinh xa lánh đạo Thánh, thích hành đạo thế gian và đạo tà ác, Bồ-tát tu tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp diệt trừ đạo ác, đạo thế gian; thấy chúng sinh tạo nghiệp theo cõi ác; bị ràng buộc trong vô minh tham ái, không tự tại, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh

pháp, cắt đứt sợi dây ràng buộc, giúp chúng sinh thoát cõi ác; thấy chúng sinh gần gũi bạn xấu, xa lánh bạn tốt, cam tâm làm việc ác, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, đoạn nghiệp ác của mọi loài, giúp chúng xa bạn xấu, gần bạn tốt; thấy chúng sinh đủ tham, sân, si, ái, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, giúp chúng sinh trừ tham, sân, si; thấy chúng sinh chấp ngã, chấp đoạn, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, trình bày mười hai nhân duyên, trí tuệ giúp chúng trừ chấp ngã, chấp đoạn; thấy chúng sinh ngu si chấp ngã, chúng sinh, mạng, sĩ phu, biệt dị, tà vạy, tham đắm, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, ban trí sáng, giúp chúng sinh đoạn trừ các chấp; thấy chúng sinh vui thích trong sinh tử, chấp năm ấm, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, trừ nghiệp ba cõi cho chúng sinh; thấy chúng sinh bị ma chướng trói buộc, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, chặt đứt lưới ma cho mọi loài; thấy chúng sinh ham thích dục lạc, không biết pháp lạc chân thật, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, dạy nhân đạt pháp lạc chân thật cho chúng; thấy chúng sinh cầu Niết-bàn nhưng không biết cách, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, mở cửa Niết-bàn cho chúng.

Thiện nam! Đó là mười sáu nhân duyên để Bồ-tát tu tâm Bi.

Thiện nam! Chúng sinh có ba mươi hai nghiệp ác, Bồ-tát tu tập nghiệp lành để đoạn ác cho chúng sinh. Ba mươi hai nghiệp ác: Chúng sinh ngu si mê muội, Bồ-tát tu tập trí tuệ, thức tỉnh kẻ mê, chúng sinh hiểu pháp nhỏ, tham dục lạc, Bồ-tát tu tập pháp lớn, thích pháp lạc, giáo hóa chúng bằng pháp Đại thừa; chúng sinh thích hành phi pháp, Bồ-tát tu chánh pháp giúp chúng sinh tự tại trong các pháp; chúng sinh nuôi sống bằng pháp tà vạy, Bồ-tát làm việc hợp chánh pháp, giúp chúng bỏ việc sai, chúng sinh chìm trong tà luận, Bồ-tát tu chánh kiến, cứu thoát chúng sinh; chúng sinh thích buông lung, Bồ-tát không buông lung để độ chúng; chúng sinh thô bạo độc ác Bồ-tát an trụ nơi chánh pháp để cứu giúp chúng sinh; chúng sinh tham lam keo kiệt, Bồ-tát tu hạnh bố thí để trừ xan tham kia; chúng sinh hủy phạm giới cấm, Bồ-tát giữ giới thanh tịnh, đoạn tâm hủy giới của chúng; chúng sinh luôn sân hận, Bồ-tát Từ bi, nhẫn nhục để độ chúng đó; chúng sinh lưỡi biếng, Bồ-tát tu pháp siêng năng tinh tấn để trừ tâm lưỡi biếng đó; chúng sinh cuồng loạn, Bồ-tát tu tâm định để độ chúng sinh; chúng sinh bị che lấp trong trí tà vạy, Bồ-tát tu chánh trí để trừ tà trí; chúng sinh điên đảo, Bồ-tát tu chánh tư duy để độ chúng; chúng sinh thích tạo nghiệp thế gian, Bồ-tát tu tập phương tiện quyền biến để đoạn nghiệp thế gian;

chúng sinh bị phiền não trói buộc, Bồ-tát tự đoạn phiền não để giúp chúng đoạn trừ phiền não; chúng sinh bị trói buộc trong tham chấp sự hiểu biết của mình, Bồ-tát tự trừ ngã kiến để độ mọi loài; chúng sinh không điều phục các căn, Bồ-tát tự điều phục căn mình để cứu chúng sinh; chúng sinh tự cho không tạo tác, không thọ nhận, Bồ-tát giảng có tạo tác, có thọ nhận để độ chúng; chúng sinh không biết ân nghĩa, Bồ-tát giảng pháp ân nghĩa để độ sinh; chúng sinh chưa đạt đã cho là đạt, Bồ-tát tu tập chánh pháp để trừ tâm tăng thượng mạn của chúng; chúng sinh thô bạo, nói lời hung ác Bồ-tát nói lời lành để cứu chúng; chúng sinh mãi tham lam, Bồ-tát tu pháp biết đủ để độ sinh; chúng sinh không cung kính cha mẹ, bậc trưởng thượng, Bồ-tát tu pháp không buông lung để chúng sinh cung phụng tôn kính cha mẹ, bậc trưởng thượng; chúng sinh nghèo cùng khổ, Bồ-tát tu bảy pháp tài để cứu chúng; chúng sinh bị bốn răn độc não hại, Bồ-tát tu Pháp thân niệm xứ để độ sinh; chúng sinh bị vô minh ngu muội, Bồ-tát tu trí tuệ giúp chúng sinh đốt đèn trí sáng; chúng sinh thích giam mình trong ba cõi, Bồ-tát tu đạo giải thoát giúp chúng sinh ra khỏi ba cõi; chúng sinh thích hành tà đạo, Bồ-tát tu pháp chánh đạo để độ chúng; chúng sinh tham chấp thân mạng, Bồ-tát tu pháp không tham chấp để cứu chúng; chúng sinh không cung kính cúng dường Tam bảo, Bồ-tát tu pháp tín kính để giúp chúng sinh tin kính Tam bảo; chúng sinh chưa là Phật lại tự cho là Phật, Bồ-tát tu sáu niệm, giúp chúng sinh biết pháp chân thật.

Thiện nam! Đó là ba mươi hai nghiệp của chúng sinh. Thấy thế Bồ-tát tự tu, làm thanh tịnh tất cả pháp lành để trừ các nghiệp ác, giúp chúng sinh làm lành.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có vô số hạnh. Vì sao? Vì phiền não của chúng sinh là vô kể nên Bồ-tát tu vô lượng hạnh lành để độ chúng.

Thiện nam! Hằng hà sa chúng sinh dù đều an trụ Thanh văn và Bích-chi-phật thừa vẫn không sinh được với Bồ-tát vừa phát tâm, dù là một phần trăm một phần ngàn vẫn không sánh nổi. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa quán sát phiền não là để giải thoát chính mình. Bồ-tát không như vậy, quán phiền não là để giải thoát tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Hạnh nghiệp của Đại Bồ-tát vượt trên nghiệp hạnh của phàm phu, Nhị thừa. Vì sao? Vì tánh nghiệp của chúng sinh là điên đảo; hạnh nghiệp của Nhị thừa lại hạn hẹp. Hạnh nguyện của Bồ-tát rộng lớn vô biên. Vì thế Bồ-tát hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Sau khi nghe pháp ấy, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương hết sức vui

mừng, thưa Phật:

–Thế Tôn! Thật kỳ diệu! Thật là pháp không thể nghĩ bàn! Như Lai đã giảng nói về anh lạc trang nghiêm, sự sáng soi, tâm đại Bi của Bồ-tát, nghiệp thiện của Bồ-tát. Kính xin Thế Tôn giảng nói thế nào là tâm đại Bi của Phật đối với chúng sinh. Thế nào là Bi? Bi có những hạnh gì? Hình tướng ra sao? Vì sao có? Thế nào là hạnh nghiệp của Phật? Hạnh tướng ra sao? Nguyên nhân của nghiệp ấy? Thật hy hữu thay Thế Tôn! Bậc thấy biết tất cả. Xin giảng thuyết cho chúng con.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Tâm đại Bi của Như Lai không xuất không hành. Vì sao? Vì thường hằng, không biến đổi, thành tựu được từ sự tu tập trong vô lượng kiếp. Vì vậy tâm đại Bi đó không hành, không chuyển, không tu, không xả, hiện hữu trong tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Tâm đại Bi của chư Phật vô lượng, vô biên, tâm đó bình đẳng, từ xưa đến nay không bút mực nào kể hết.

Thiện nam! Chư Phật Thế Tôn luôn sống trong đại Bi và trí giác. Hai pháp ấy không sai khác. Pháp Bồ-đề vô thượng của Như Lai không căn không trụ. Căn là ngã kiến, trụ là bốn đảo. Như Lai biết rõ căn, trụ nên trí giác đó không căn, trụ. Chúng sinh không có không căn không trụ nên Như Lai khởi tâm đại Bi ban cho chúng sinh không căn không trụ. Như Lai thuyết giảng chánh pháp để mọi loài biết rõ.

Thiện nam! Bồ-đề là thanh tịnh, tịch tĩnh. Thế nào là thanh tịnh, tịch tĩnh? Tịnh là bên trong; tịch là bên ngoài. Bên trong là mắt không, không nên không ngã, không sở hữu của ngã. Vì sao? Vì tánh là một. Ý cũng thế. Vì sao? Vì tánh là một nên khi biết mắt không thì không chấp nơi sắc, sắc tâm nên là tịch tĩnh. Cho đến ý pháp cũng thế. Chúng sinh không biết Bồ-đề thanh tịnh tịch tĩnh nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp cho chúng biết.

Thiện nam! Tánh tâm của chúng sinh vốn tịnh. Tánh vốn tịnh nên không bị phiền não làm nhiễm ô, như hư không không bị ô nhiễm. Tánh tâm và tánh hư không bình đẳng không hai. Chúng sinh không biết tánh tâm thanh tịnh, bị phiền não ràng buộc nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp để chúng hiểu.

Thiện nam! Bồ-đề là không lấy không bỏ. Thế nào là không lấy? Như Lai không thấy pháp mê, giác. Vì sao? Vì các pháp không kia, đây. Như Lai thật biết như thế nên là không lấy. Thế nào là không bỏ? Chúng sinh không biết pháp giới, Như Lai giảng dạy để chúng biết rõ.

Đó là không bỏ. Vì vậy Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng sinh biết hai pháp trên.

Thiện nam! Bồ-đề là không tưởng, không duyên. Thế nào là không tưởng, không duyên? Không thấy nhãn thức... ý thức, không thấy sắc tướng... Pháp tướng, không biết, không thấy, không chấp giữ các pháp ấy là không tưởng không duyên. Không tưởng không duyên là hạnh Thánh. Thế nào là hạnh Thánh? Đó là không hành hạnh ba cõi.

Thiện nam! Như vậy không làm là hạnh Thánh. Hết thấy Thánh nhân không hành nơi hành. Chúng sinh không hành hạnh Thánh nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp để chúng sinh biết.

Thiện nam! Bồ-đề không thuộc ba đời, không thuộc ba đời là ba đẳng. Ý quá khứ, thức vị lai, tham hiện tại là ba phần. Biết rõ ba phần nên ý, thức, tham không còn chỗ dựa. Vì thế không tiếc quá khứ, không mong cầu vị lai, không tham ái hiện tại. Biết ba đời bình đẳng là biết đúng. Vì muốn chúng sinh đủ chánh biến bình đẳng đó nên Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp. Thiện nam! Bồ-đề là không thân, không tạo tác, không thuộc sự hiểu biết của nhãn thức cho đến không phải là cảnh giới của ý thức gọi là không thân, không sinh, không diệt, không tận, không trụ, không có ba tướng là không tạo tác.

Thiện nam! Tánh của tất cả pháp là không tánh. Đã là không tánh nên là không hai. Vì thế Bồ-đề không thân, không tạo tác, chúng sinh không hiểu như thế. Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề không có phân biệt, không có cú nghĩa. Nghĩa ấy ra sao? Không nơi trụ là không phân biệt; không thuộc ngôn tự là không cú nghĩa. Không hai là không phân biệt, không nhập pháp giới là không cú nghĩa. Không dao động là không phân biệt, không đối khác là không cú nghĩa. Không thể giảng nói là không cú nghĩa, rỗng lặng là không phân biệt. Không giác, quán là không phân biệt, không tướng là không cú nghĩa. Không phát khởi là không phân biệt, không nguyện là không cú nghĩa. Biết cõi chúng sinh như hư không là không phân biệt, không có cõi chúng sinh là không cú nghĩa. Không diệt là không phân biệt, không làm là không cú nghĩa. Không hành là không phân biệt, bình đẳng là không cú nghĩa. Biết bình đẳng là không phân biệt, tịch tĩnh là không cú nghĩa. Chúng sinh không hiểu các nghĩa ấy. Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp cho chúng sinh.

Thiện nam! Bồ-đề không thể chứng đạt bằng thân, bằng tâm. Vì sao? Vì thân tâm như huyễn. Nếu hiểu biết một cách chân thật về thân tâm là đạt Bồ-đề. Vì truyền bá nên nói là Bồ-đề, nhưng tánh của tướng Bồ-đề thật không thể thuyết giảng. Không thể nói là pháp, là phi pháp. Không thể nói là có, là không. Không thể nói là thật, là hư. Vì sao? Vì tánh không thể nói. Bồ-đề không có nơi dừng, không thể thuyết giảng như hư không. Vì thật biết các pháp là không thể giảng thuyết, trong ngôn tự không có pháp, trong pháp không có ngôn tự. Vì lưu truyền nên thuyết giảng. Phạm phu không hiểu ý ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề là không chấp giữ, không duyên. Nghĩa ấy thế nào? Thật biết về nhãn (mắt) là không chấp giữ; biết mắt không cảnh giới là không duyên... thật biết về ý là không chấp giữ, biết ý không cảnh giới là không duyên. Như Lai biết Bồ-đề không thể nắm bắt là không chấp giữ, không nhà cửa là không duyên. Nhãn thức không trụ trong sắc là không nhà cửa... ý thức cũng thế. Tâm của tất cả chúng sinh không nơi dừng. Như Lai thật biết tâm không trụ xứ. Không trụ xứ là không có bốn pháp sắc, thọ, tưởng, hành. Tâm không trụ trong bốn pháp ấy nên tâm không nơi dừng. Vì thế tất cả các pháp đều không nơi dừng. Như Lai thật biết nghĩa ấy, chúng sinh không hiểu, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề tuy được gọi là không nhưng trong Bồ-đề không có tướng không, nên là không. Tất cả các pháp là không, Bồ-đề cũng vậy. Như Lai thật biết như vậy nên được tên là Bạc biết không. Chư Phật biết các pháp nhưng thật không có pháp biết, không trong không cũng thế. Bồ-đề vô thượng là không và Bồ-đề là một, không và Bồ-đề là một không phải hai. Nếu ngoài không Bồ-đề mà có pháp thì có thể nói là hai. Vì không hai nên là không. Không danh tự nên là không. Không tướng mạo nên là không. Không oai nghi, không tu hành, không giảng thuyết nên là không.

Thiện nam! Đệ nhất nghĩa là không có các pháp. Nếu không có các pháp vì sao nói là không? Thiện nam! Ví như hư không không ngôn ngữ không thuyết giảng. Vì không ngôn thuyết nên gọi là hư không. Trong không ngôn thuyết, không có ngôn thuyết nên là không. Các pháp cũng thế, không danh tự nói là danh tự. Danh tự ấy không có nơi dừng. Nếu thế, pháp của danh tự ấy cũng vậy. Như Lai thật biết các pháp không sinh diệt nên gọi là đạt giải thoát, không bị trói buộc. Vì sao gọi là đạt giải thoát? Như Lai không trói buộc không giải thoát. Tất

cả phàm phu không biết pháp ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng hiểu.

Thiện nam! Bồ-đề như hư không. Tánh của hư không không bằng, phẳng không cao thấp. Bồ-đề cũng thế. Nếu các pháp là không tánh thì không thể nói là bằng phẳng, cao thấp. Như Lai biết các pháp không cao thấp bằng phẳng, cho đến hạt bụi cũng không cao thấp bằng phẳng. Nếu pháp có tánh tức là trí như thật. Trí như thật biết các pháp vốn không nay có, nhưng tuy có vẫn trở về không. Lúc sinh lúc diệt đều không ràng buộc, từ duyên sinh, từ duyên diệt. Đó là đạo. Quyết đoán về đạo ấy là Bồ-đề. Chúng sinh không biết đạo chân thật, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề là pháp chân thật. Sắc cũng thế, bình đẳng không sai khác. Thọ, tưởng, hành, thức, đất, nước, lửa, gió, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng như thế. Đó là pháp được lưu hành. Thật biết về ấm, nhập, giới, pháp không có điên đảo. Không điên đảo là nhận biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đều không sinh không diệt. Đó là không điên đảo, là pháp chân thật. Một pháp là tất cả pháp, tất cả pháp là một pháp. Đó là pháp chân thật. Phàm phu không hiểu, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề không phải trong, không phải ngoài không phải trong: không tạo tác. Không phải ngoài: là không giác biết. Trong là tạo tác, ngoài là tướng. Thể của Bồ-đề không phải tạo tác, không phải tướng. Đó là không phải trong, không phải ngoài. Không phải trong: không phải nghiệp thân, khẩu, ý. Không phải ngoài: không phải duyên của ba nghiệp. Không phải trong: không tướng, giải thoát. Không phải ngoài: là không, giải thoát. Phàm phu không hiểu các nghĩa ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề là vô lậu, vô thủ. Nghĩa ấy thế nào. Vô lậu là xa lìa bốn giòng: Dục, hữu, vô minh, kiến. Vô thủ là trừ bốn sự chấp giữ: dục, hữu, kiến, giới. Chúng sinh bị vô minh che lấp, sống trong bốn sự chấp giữ đó. Vì tham ái nên chấp ta, sở hữu của ta. Như Lai biết rõ nguồn gốc của chấp ngã nên làm thanh tịnh ngã, thanh tịnh chúng sinh. Làm thanh tịnh ngã nên không thấy, chấp các pháp, cũng không suy xét phi pháp, không vô minh và vì thế không có mười hai nhân duyên. Không có mười hai nhân duyên thì không sinh; không sinh là nhập quyết định tụ. Nhập quyết định tụ là hiểu rõ nghĩa. Hiểu rõ nghĩa là Đệ

nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là không chúng sinh, không chúng sinh là không thể nói, không thể nói là mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên là pháp. Pháp chính là Như Lai, vì thế trong kinh ta dạy: Ai thấy mười hai nhân duyên là thấy pháp. Thấy pháp là thấy Như Lai. Thấy Như Lai là không gì để thấy, có đối tượng thấy là thấy sai lầm. Thấy sai lầm là thấy tướng và số của tướng. Như Lai không tướng, không số tướng, nên thấy Như Lai là không có đối tượng thấy. Thấy Như Lai là không tướng, không tạo tác, không giác, không biết là thật thấy Như Lai. Như Lai cũng thế giác biết tất cả pháp bình đẳng như pháp giới, không chấp giữ. Phạm phu không biết nên Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng rõ.

Thiện nam! Bồ-đề là thanh tịnh tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Nghĩa ấy thế nào? Không xen lẫn phiền não là thanh tịnh; là không, giải thoát là tịch tĩnh; không tướng, không nguyện là sáng suốt; không sinh không diệt là không tranh chấp. Không sinh là tịnh, không diệt là vắng lặng; chấp nắm bắt là sáng suốt, không phát khởi là không tranh chấp. Tánh là tịnh, không phiền não là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Pháp giới là tịnh, tánh chân thật là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Tánh hư không là tịnh, không phân biệt pháp giới là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Trong ngoài thanh tịnh là tịch; không nắm bắt, không chấp chặt các pháp là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Thật biết nắm nắm là tịnh, thật biết giới là tịch tĩnh, sáng suốt, trừ các nhập là không tranh chấp. Biết quá khứ đã hết là tịnh, biết vị lai không sinh là tịch tĩnh, biết hiện tại ở trong pháp giới, không chuyển động là sáng suốt, không tranh chấp. Bốn pháp thanh tịnh, tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp nhập trong một giới, một pháp, một cú, ba pháp đó là Niết-bàn, trừ phiền não là tịnh. Trọn vẹn là tịch tĩnh, không ngu tối là sáng suốt, không thể nói là không tranh chấp. Vì thế có câu. Đức Thích-ca lặng im, chẳng nói câu nào.

Thiện nam! Bồ-đề là hư không. Hư không là pháp. Chúng sinh như pháp; ruộng phước như chúng sinh; Niết-bàn như ruộng phước, vì vậy tất cả các pháp đều là Niết-bàn. Hiểu pháp giới như thế nên Như Lai được tôn là Phật. Tu tập bốn pháp thanh tịnh, tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp là Phật. Như Lai biết phương tiện quyền biến nên khi đạt Bồ-đề, Phật yên lặng, không giảng thuyết cho đến khi Phạm vương thỉnh Phật. Khi ấy Phạm vương Thi-khí cùng sáu vạn tám ngàn Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi lạy, chấp tay, thưa: “Cúi xin Như Lai thương xót chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp.”

Phạm vương nói kệ:

*Chư Phật Như Lai tịnh, vắng lặng
Sáng suốt, không ngại, không tranh chấp
Không chữ, không tiếng, không thuyết giảng
Thật biết tất cả như pháp giới.
Trải vô số kiếp vì chúng sinh
Khổ luyện, thọ trì giới thế gian
Giác ngộ chúng sinh kẻ mê ngủ
Không hiểu thật nghĩa, mãi buông lung.
Trong đại hội này vô số chúng
Tùng tu pháp lành với chư Phật
Hiểu nghĩa chân thật pháp sâu xa
Xin Phật xót thương giảng chánh pháp.
Hội chúng đã trừ mọi ma chướng
Mở cửa cam lồ cứu chúng sinh
Như Lai được tôn: Chân Đạo Sư
Chỉ dạy pháp mầu cho tất cả.
Như Lai tuy đủ đại Từ bi
Thương yêu chúng sinh như con đở
Nhưng pháp vốn vậy bạch Thế Tôn
Xin vì chúng sinh giảng chánh pháp.
Ba đời chư Phật xoay xe pháp
Ngưỡng mong Như Lai cũng làm thế
Đạo sư tối thượng không thoái chuyển
Chỉ dạy mọi loài một đạo mầu.
Như mưa thấm khắp muôn cây cỏ
Như Lai trừ khát cho chúng sinh
Phật tuôn mưa pháp cho đại chúng
Chúng đạt vô số quả vô thượng.
Lúc mới thọ sinh Phật phát nguyện
Cứu thoát khổ đau cho tất cả
Chúng sinh khát ngưỡng vị cam lồ
Xin Bậc Đại Thí tuôn mưa pháp.*

Nhận lời của Phạm vương, Như Lai liền đến vườn Nai, trụ xứ của Tiên nhân, thuyết giảng chánh pháp. Pháp ấy Trời, Ma, Phạm, Sa-môn,

Bà-la-môn, không thể thuyết giảng. Lúc đó, Phật giảng pháp bốn Đế, Tỳ-kheo Kiều-trần-như đạt Pháp nhãn tịnh, tiếng Phật vang khắp tam thiên đại thiên cõi nước.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

*Pháp nghĩa thâm diệu không thể nói
Đệ nhất thật nghĩa không ngôn tự
Tỳ-kheo Kiều-trần-như biết pháp
Chứng quả Bồ-đề đạo Vô thượng
Vô lượng, vô số kiếp quá khứ
Ta đã đạt được, nay ông đạt.*

Lúc Phật nêu giảng pháp này, vô số chúng sinh đều điều phục thân tâm. Phật thị hiện thần thông đại Bi như thế, a-tăng-kỳ người thấy được, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Vì chúng sinh, Như Lai khởi mười sáu pháp đại Bi. Và vì thế trải qua hằng hà sa số kiếp, Phật vào địa ngục chịu khổ thay cho chúng sinh, không hề hối hận, nhưng tâm Bi của Phật không tổn giảm. Do ý nghĩa ấy, nên tâm đại Bi của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Nay thiện nam! Tâm Bi của hàng Thanh văn như sạch ngoài da. Tâm đại Bi của Bồ-tát như xả về thịt. Tâm đại Bi của Như Lai như đập vỡ xương để lấy được tủy. Vì thế của tâm Bi nơi Phật như khắc sâu vào cốt tủy. Tâm Bi của Thanh văn là tán thán tri kiến của Phật. Tâm Bi của Bồ-tát là khuyên chúng sinh tu hành. Tâm Bi của Phật là thọ ký chúng sinh đạt quả Bồ-đề vô thượng. Tâm Bi của Thanh văn là nhân duyên Từ. Tâm Bi của Bồ-tát là điều phục chúng sinh. Tâm Bi của Như Lai là độ chúng sinh giải thoát. Tâm Bi của Thanh văn có từ sợ khổ; Tâm Bi của Bồ-tát khởi phát trừ đoạn khổ; Tâm Bi của Phật có từ sự đoạn trừ tất cả nhân duyên.

Thiện nam! Như Lai tu tập tâm Bi như thế. Dù chỉ vì một chúng sinh Như Lai cũng trụ đời suốt trăm ngàn vạn kiếp, vô số kiếp, không nhập Niết-bàn.

Thiện nam! Đại Bi của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Thiện nam! Về vô lượng, vô số a-tăng-kỳ kiếp thời quá khứ, có Đức Phật ra đời, hiệu là Chiên-đàn-quật, nước tên Đại hương, kiếp tên Thượng hương. Đức Phật Chiên-đàn-quật thuyết giảng chánh pháp cho chúng Thanh văn suốt ba trăm ba mươi hai vạn kiếp. Suốt thời gian ấy từ mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật đều thoảng một mùi

hương thơm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Đất nước ấy không có mùi hôi thối, cây cỏ sông núi đều thoảng hương chiên-đàn. Mùi thơm trên thân của chúng sinh cũng thế, chúng không có ba nghiệp ác. Đệ tử Phật ngữ hương này liền đạt bốn Thiên. Thời ấy, có mười ngàn Đức Phật tuần tự xuất thế, đều cùng một hiệu: Chiên-đàn-quật, do đó kiếp số tên Thượng hương. Làm mọi việc xong, Như Lai định nhập Niết-bàn. Đức Phật lại quán chúng sinh, ai chưa điều phục thì đến điều phục. Với Thiên nhân thanh tịnh, Phật thấy ở cõi Phi hữu tướng phi vô tướng có một người đã từng trồng căn lành với các Đức Như Lai, nay phải nhờ Phật mới được độ thoát, Thanh văn không thể hóa độ người này. Sáu tám vạn bốn ngàn kiếp, người này thọ sinh, hưởng thụ năm dục, sẽ được nghe kinh Đại thừa, phát tâm Bồ-đề vô thượng, an trụ không thoái chuyển.

Lúc này, Phật khởi phương tiện bằng tâm Bi, bảo các Tỳ-kheo:

–Giờ đã đến, Như Lai nhập Niết-bàn.

Nói xong, Như Lai nhập định Bất hồi, thị hiện để chúng sinh biết Như Lai đã Niết-bàn, khiến đại chúng thiết lễ cúng dường. Trải qua hết sáu mươi tám vạn bốn ngàn năm thời chánh pháp, đệ tử Phật không một ai nghĩ đến pháp tà vạy. Với sức định Đức Phật Chiên-đàn-quật ẩn thân suốt tám vạn bốn ngàn kiếp. Về sau người kia sinh trong nhà một trưởng giả ở cõi người. Tám mươi năm sau Phật xuất định, đến nhà trưởng giả. Người trong nhà từ lớn đến nhỏ không ai thấy Phật, chỉ mỗi người kia thấy Phật. Để người kia chán ghét năm dục, Đức Phật thuyết pháp cho, nghe xong, người kia đạt tâm Bồ-đề vô thượng. Biết vậy Như Lai thọ ký cho người kia:

–Thiện nam! Bảy vạn hai ngàn a-tăng-kỳ trăm ngàn kiếp thời vị lai, ông sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành Phật hiệu Bảo Thượng.

Những lời ấy mọi người ở đó không ai nghe được, riêng một vạn hai ngàn thiên nhân được nghe, nên họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, đồng thanh nói:

–Mong khi Đức Bảo Thượng thành Phật, chúng ta được làm đệ tử, được học hỏi chánh pháp.

Biết vậy, Đức Như Lai thọ ký cho họ:

–Khi Đức Bảo Thượng Như Lai thành Phật, các vị sẽ làm đệ tử thọ pháp Đức Phật ấy cũng sẽ thọ ký cho các vị thành tựu đạo quả Bồ-

đề vô thượng. Thọ ký xong Đức Chiên-đàn-quật hoàn toàn vào Niết-bàn. Tất cả chư Thiên đều thiết lễ cúng dường.

Thiện nam! Tâm đại Bi viên mãn của Như Lai hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

Thiện nam! Lúc đó, Đức Phật không làm mất giống Phật. Chúng sinh cúng dường Tam bảo cũng thế.

Lúc Đức Phật Thích-ca giảng nói pháp Đại bi, ba hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Một nửa đại chúng thành tựu pháp nhẫn. Một nửa trong số một nửa chúng ấy đạt trọn vẹn mười sáu pháp Đại bi. Số còn lại đạt pháp nhẫn của Phật. Khi đó, tất cả hàng trời, người nghe pháp, vui vẻ, cùng tán thán Phật:

–Hy hữu thay! Kỳ diệu thay! Như Lai thuyết pháp đại Bi như thế.

